

NGUYỄN THỊ MINH THẢO

**MODULE MN**

**3**

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN  
NGÔN NGỮ, NHỮNG MỤC TIÊU  
VÀ KẾT QUẢ MONG ĐỢI  
Ở TRẺ MẦM NON  
VỀ NGÔN NGỮ**



## A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Phát triển ngôn ngữ cho trẻ là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất ở trường mầm non. Hoạt động này không những nhằm giúp trẻ hình thành và phát triển các năng lực ngôn ngữ như nghe, nói, tiền đọc và tiền viết, mà còn giúp trẻ phát triển khả năng tư duy, nhận thức, tình cảm... Đó là chiếc cầu nối giúp trẻ bước vào thế giới lung linh, huyền ảo, rực rỡ sắc màu của xã hội loài người. Vì vậy, trẻ nói năng mạch lạc, được làm quen với chữ viết tiếng Việt, được chuẩn bị sẵn sàng để bước vào lớp Một là yêu cầu trọng tâm của phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ có những đặc điểm khác nhau tùy thuộc vào từng giai đoạn tuổi của trẻ. Việc nắm vững những đặc điểm này sẽ giúp cho người giáo viên có được những kiến thức và kĩ năng tốt nhất trong quá trình hỗ trợ trẻ phát triển ngôn ngữ, đặt ra những phương pháp phù hợp, linh hoạt để đạt được những mục tiêu cho giai đoạn nền móng này.



## B. MỤC TIÊU

### VỀ NHẬN THỨC

- Nắm được những kiến thức cơ bản về đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.
- Xác định được những mục tiêu và kết quả mong đợi ở trẻ mầm non về ngôn ngữ.

### VỀ KĨ NĂNG

Vận dụng những hiểu biết về đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non vào công tác giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non mới.

### VỀ THÁI ĐỘ

Tôn trọng những đặc điểm riêng về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em trong quá trình giáo dục. Chủ động nắm vững các đặc điểm, mục tiêu và kết quả mong đợi ở trẻ mầm non về ngôn ngữ để tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với độ tuổi và có hiệu quả cao trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

## THÔNG TIN NGUỒN

Giai đoạn từ 0 đến 3 tuổi là giai đoạn phát triển ngôn ngữ đặc biệt của trẻ. Giai đoạn này có những đặc điểm rất riêng biệt, không bao giờ lặp lại ở bất kỳ một giai đoạn nào khác và cũng có ảnh hưởng rất lớn tới toàn bộ sự phát triển ngôn ngữ lâu dài về sau. Nắm chắc các đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ sẽ giúp cho cô giáo chủ động và tự tin trong quá trình chăm sóc và giúp đỡ trẻ phát triển ngôn ngữ một cách bình thường, đặc biệt là những trẻ có khó khăn hay hơi chậm trong lĩnh vực này.



## C. NỘI DUNG

### CÁC NỘI DUNG CỦA MODULE

TT	Nội dung	Thời gian, tiết học	
		Tự học	Tập trung
1	Phân tích đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ 0 – 3 tuổi	2	2
2	Phân tích đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ 3 – 6 tuổi	2	2
3	Tìm hiểu những mục tiêu phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non	3	1
4	Xác định kết quả mong đợi về phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non	2	1

### Nội dung 1

#### PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ 0 – 3 TUỔI

#### Hoạt động 1. Phân tích đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ 0 – 1,5 tuổi

Học viên đọc tài liệu và suy nghĩ, thảo luận:

Phân tích những đặc điểm ngôn ngữ của trẻ giai đoạn từ 0 – 1,5 tuổi.

Giai đoạn 0 – 5 tháng tuổi:

Giai đoạn 6 – 12 tháng tuổi:

Giai đoạn 12 – 18 tháng tuổi:

#### THÔNG TIN PHẢN HỒI

Đối chiếu những điều anh (chị) vừa viết ra với những thông tin dưới đây:

- *Giai đoạn từ 0 – 5 tháng tuổi* còn gọi là giai đoạn tiền ngôn ngữ của trẻ. Nghiên cứu cho thấy từ trong bào thai trẻ đã có những phản ứng với âm thanh, đến khi sinh ra trẻ dễ dàng cảm nhận được tiếng nói dịu dàng, thân thuộc của mẹ, nên khi đang khóc nghe tiếng mẹ vỗ về, nựng nịu trẻ có thể nín khóc ngay. Trẻ cũng có phản ứng rõ rệt với các nguồn âm thanh. Khi nghe những âm điệu du dương của các bài hát ru, tiếng chim hót hoặc những bản nhạc trẻ thường có biểu hiện thích thú và lắng nghe. Còn khi thấy những âm thanh mạnh, gắt gao trẻ giật mình, sợ hãi, nhiều trường hợp các em khóc thét lên. Khoảng 3 tháng tuổi trẻ đã hóng, “nói” chuyện; phát âm những chuỗi âm thanh liên tục, không rõ ràng. Khi đó, trẻ rất hào hứng, linh động, mắt nhìn vào mặt và miệng người nói chuyện với mình chân tay khua khoắng liên hồi. Miệng trẻ dẩu ra như miệng chim, nhiều khi chuỗi âm thanh của trẻ như tiếng chim hót. Khi dễ chịu, trẻ cười to thành tiếng; khi muốn biểu lộ sự khó chịu, trẻ khóc hoặc hò hét om xòm. Giai đoạn này người lớn chưa thể hiểu trẻ nói gì, nhưng cũng đoán được tâm trạng, nhu cầu tối thiểu của trẻ qua ngôn ngữ. Ví dụ: trẻ bị đói, đói ướt thì khóc; khi vui vẻ “*ăn no tâm mát*” thì lại

cười “nói” liên hồi. Tuy vậy, việc cha mẹ thường xuyên nói chuyện với trẻ có một vai trò vô cùng quan trọng đối với việc phát triển ngôn ngữ nói riêng cũng như sự phát triển toàn diện của trẻ nói chung.

- *Giai đoạn từ 6 đến 12 tháng tuổi* trẻ phát âm bập bẹ, bi bô. Theo K. Dick, thời kì này, trẻ phát rất nhiều âm tiết, có những âm xa lạ không có trong tiếng mẹ của trẻ. Các âm đó thường xuyên được lặp lại, trọng âm luôn ở âm tiết cuối, các kết hợp âm này gần giống nhau trong tất cả các từ, ngoài các âm “ng”, “angra”, và “amma”. Đại đa số người lớn không hiểu được các từ của trẻ, chỉ một số ít các từ ở cuối giai đoạn 1 tuổi có thể hiểu nghĩa như măm măm, ma ma, ba ba ba, bà bà...

Càng nói chuyện nhiều với trẻ thì trẻ càng thích bập bẹ, khi bạn nhắc lại nhiều lần một từ, trẻ sẽ cố gắng bắt chước phát âm đúng từ đó. Vì vậy, cơ quan phát âm của trẻ ngày càng hoàn thiện, thính giác cũng được tập luyện và khả năng cấu tạo âm thanh một cách có ý thức của trẻ được hình thành. Cũng theo Dick, cùng với việc hoàn thiện dần về phát âm và thính giác, trong óc trẻ cũng hình thành mối liên hệ giữa các âm thanh phát ra và các hoạt động tương ứng của bộ máy phát âm. Thời kì bập bẹ có một tầm quan trọng đặc biệt đối với quá trình học nói của trẻ về sau. Thời kì này nhờ thói quen bú mẹ, các cơ bắp ở môi đã được tập luyện tốt, trẻ dễ dàng phát âm các âm môi *m, p, b, d, t, v*. Thời kì này trẻ đã hiểu được nghĩa của từ có/không và có giao tiếp bằng ngôn ngữ của cơ thể: đưa 2 tay về phía bạn khi muốn bạn bế, “chạy”, gạt tay, – quay mặt đi nếu trẻ không muốn giao tiếp hoặc không muốn ai đó bế; phát âm “u, u...” khi muốn đòi cái gì...

- *Từ 12 đến 18 tháng tuổi* vốn từ của trẻ đã phát triển lên đến 20 – 30 từ. Trẻ hiểu nghĩa và có thể sử dụng chủ động các từ như: đi, chơi, ăn, uống. Trẻ có thể hiểu một số từ như mắt, mũi, đầu, quần áo... và làm theo những hướng dẫn/ mệnh lệnh đơn giản như: đến đây, đi nào, đội mũ vào, nháy mắt, làm xấu. Ở giai đoạn trẻ đã biết phân biệt các hành động thì lời nói của người lớn trở thành phương tiện quyết định và tác động đến hành vi của trẻ. Từ 16 đến 18 tháng, trẻ hay có xu hướng bắt chước lời nói của người khác, thường theo kiểu như “nói leo” các tiếng sau cùng của câu nói, khi được người lớn cổ vũ, trẻ rất thích thú, thường cười nói, hưởng ứng nhiệt liệt. Ngoài ra, trẻ còn bắt chước tiếng kêu của các vật nuôi gần gũi như meo (mèo); gâu gâu (chó); ò ò (bò)... các trẻ cũng có thể nói được 2 – 3 từ. Tuy nhiên, nhiều khi phát âm của trẻ không được rõ

ràng, có trẻ còn xu hướng nói ngọng. Ví dụ: ăn – anh, xanh – xăn; con gà – con ngà...

Thời kì này trẻ có hứng thú với sách, đặc biệt là những sách in màu sắc rực rỡ, có tranh ảnh đẹp. Nhưng sự chú ý của trẻ chưa được lâu, bạn cần cho trẻ làm quen trong thời gian ngắn (2 – 3 phút)

Cần chú ý chính cho trẻ để trẻ phát âm đúng, đi đến chuẩn hóa. Thời gian này người lớn cần nói những câu chính xác và đơn giản với giọng điệu mượt mà, mềm mại để trẻ học tập. Vì nếu trong ngôn ngữ của trẻ có một mẫu sai đã ổn định thì trẻ rất khó sửa chữa. Vì vậy, ngôn ngữ ngọng nghịu ban đầu của trẻ có thể rất ngộ nghĩnh nhưng người lớn cũng không nên bắt chước và nhắc lại.

- Đối với trẻ có biểu hiện chậm/ có khó khăn về ngôn ngữ, cần có những can thiệp sớm để giúp trẻ hòa nhập.

Các chuyên gia *Viện dinh dưỡng Quốc gia Mỹ* đã nghiên cứu những đặc điểm phát triển ngôn ngữ bình thường của trẻ đến giai đoạn này như sau:

- \* Giai đoạn 1: sinh được 5 tháng
  - Phản ứng với âm thanh lớn.
  - Quay đầu về phía nguồn phát ra âm thanh.
  - Nhìn vào khuôn mặt bạn khi bạn nói.
  - Phát âm, biểu thị sự thoải mái hay khó chịu (cười to, khóc, cười khúc khích hoặc la hét om xòm...).
  - Phát âm bi bô (không rõ nghĩa khi bạn nói chuyện với).
- \* Giai đoạn 2: Từ 6 – 11 tháng
  - Hiểu được: không – không.
  - Nói bập bẹ, bi bô “ba-ba-ba” hoặc “ma-ma-ma”.
  - Cố gắng giao tiếp bằng hành động, cử chỉ, điệu bộ.
  - Cố gắng nhắc lại âm thanh của bạn.
- \* Giai đoạn 3: Từ 12 đến 17 tháng
  - Chú ý đến sách hoặc đồ chơi trong vòng khoảng 2 phút.
  - Làm theo những hướng dẫn đơn giản của bạn bằng điệu bộ, cử chỉ.
  - Trả lời những câu hỏi đơn giản, không bằng lời.

- Chỉ ra các đồ vật, bức tranh và các thành viên trong gia đình.
- Nói được 2 đến 3 từ chỉ tên người hoặc đồ vật (phát âm có thể không rõ ràng).
- Cố gắng làm quen với các từ đơn giản.

#### CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ

*Câu 1:* Phân tích các đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ giai đoạn từ 0 – 1,5 tuổi.

Hãy điền thông tin vào bảng sau:

Giai đoạn	Nghe	Nói	Vốn từ
Từ 0 đến 5 tháng			
Từ 6 đến 12 tháng			
Từ 12 đến 18 tháng			

**Câu 2:** Những dấu hiệu nào có thể cho thấy trẻ chậm/ có khó khăn về ngôn ngữ?

**ĐÁP ÁN CHO PHẦN CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ**

Giai đoạn	Nghe	Nói	Vốn từ
Từ 0 đến 5 tháng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phản ứng với âm thanh: quay đầu về phía nguồn âm thanh</li> <li>- Phản ứng với âm thanh lớn: giật mình, khóc thét lên...</li> <li>- Nhìn vào khuôn mặt bạn khi bạn nói</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm: biểu thị sự thích thú hay khó chịu: cười to, khóc hoặc la hét om xòm</li> </ul>	
Từ 6 đến 12 tháng	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Từ 6 – 11 tháng</li> <li>- Hiểu được: không – không.</li> <li>- Cố gắng giao tiếp bằng hành động, cử chỉ, điệu bộ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cố gắng nhắc lại âm thanh của bạn.</li> <li>- Nói bập bẹ, bi bô “ba-ba-ba” hoặc “ma-ma-ma”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bi bô các từ: ba ba, măm măm, bà, bà...</li> </ul>
Từ 12 đến 18 tháng tuổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chú ý đến sách hoặc đồ chơi trong vòng khoảng 2 phút.</li> <li>- Làm theo những hướng dẫn đơn giản của bạn bằng điệu bộ, cử chỉ.</li> <li>- Trả lời những câu hỏi đơn giản, không bằng lời.</li> <li>- Chỉ ra các đồ vật, bức tranh và các thành viên trong gia đình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được 2 đến 3 từ chỉ tên người hoặc đồ vật (phát âm có thể không rõ ràng).</li> <li>- Cố gắng làm quen với các từ đơn giản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vốn từ khoảng 20 – 30 từ.</li> </ul>

- Theo các nhà nghiên cứu Singapore, có một sự kiện thú vị ở giai đoạn phát triển này của trẻ. Đó là trẻ từ 6 đến 12 tháng tuổi trên toàn thế giới đều “nói” những âm thanh giống nhau. Nhưng từ 12 tháng tuổi trở đi thì trẻ chỉ nói các từ trong tiếng mẹ đẻ của mình, đó là những từ ngữ mà



hàng ngày trẻ nghe được từ môi trường xung quanh. Như vậy, chúng ta có thể thấy môi trường ngôn ngữ là vô cùng quan trọng đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ nhỏ.

*Đáp án cho câu 2:* Dựa vào câu 1, bạn có thể có đáp án cho câu 2. Tất cả những trẻ không đạt được những biểu hiện trên đều có thể có vấn đề chậm hoặc khó khăn về ngôn ngữ.

## Hoạt động 2. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ 1,5 – 3 tuổi

### CÂU HỎI THẢO LUẬN

Phân tích đặc điểm ngôn ngữ của trẻ mầm non giai đoạn từ 1,5 – 3 tuổi.

Giai đoạn 18 – 23 tháng:

Giai đoạn 2 đến 3 tuổi:

## THÔNG TIN PHẢN HỒI

Đối chiếu kết quả thảo luận với thông tin dưới đây:

Đây là giai đoạn mà ngôn ngữ của trẻ có sự phát triển mạnh mẽ, từ khoảng 20 – 30 từ, đến 2 tuổi trẻ đã có vốn từ khoảng 200 – 300 từ. Các từ thường dùng là danh từ và động từ, những từ gắn gũi với cuộc sống hàng ngày của trẻ. Giai đoạn này trẻ cảm nhận, tiếp thu ngôn ngữ một cách trực quan, gắn liền với các hình ảnh, đồ vật, hiện tượng mà trẻ có thể nhìn thấy, sờ thấy, chơi cùng trong các hoạt động hàng ngày. “Mới đầu là kinh nghiệm, sau đó là hiểu, và cuối cùng là dùng từ”.

Khi trẻ được 1,5 tuổi, thì mỗi từ của trẻ đều biểu thị một sự mong muốn, một yêu cầu, một sự mong muốn hay hờn dỗi, hoặc trẻ muốn khôi phục một tình huống thú vị nào đó. Theo K. Dick, *trẻ chưa nói được cả câu trọn vẹn nên trẻ dùng một từ cụt ngắn và thay đổi ngữ điệu để biểu thị cho những mong muốn khác nhau. Ví dụ, từ “mẹ”, phát âm theo nhiều cách khác nhau, có thể có một loạt ý nghĩa, cũng có thể có những nghĩa như “Mẹ ơi, mẹ lại đây!”, “Mẹ đâu rồi?”, “Mẹ ơi, dắt tay con”, “Mẹ ơi, con vui quá!”*

Trẻ nói bằng những câu như vậy trong khoảng thời gian nửa năm. Đồng thời cùng một từ có thể được chỉ cho nhiều vật và nhiều người khác nhau.

Lúc này, khả năng sử dụng từ khái quát của trẻ chưa cao, có khi từ cái ca trẻ chỉ hiểu đó là để chỉ cái ca của trẻ, chưa hiểu đó là từ cái ca để chỉ chung cho các đồ vật có cùng công dụng, cấu tạo như vậy. Ngôn ngữ của trẻ sẽ hoàn thiện dần đến các mức khái quát cao hơn.

Khả năng sử dụng câu của trẻ ở giai đoạn này cũng có những tiến bộ đáng kể. Nếu như giai đoạn đầu năm trẻ chỉ nói được những câu có 1 – 2 từ, (ví dụ: bà bé) đến khi được 2 tuổi trẻ đã sử dụng được câu có hai thành phần (bà ơi, bé con), mặc dù có thể trật tự từ của câu còn sai lệch. Thời kì này trẻ quan tâm đến tên gọi của đồ vật mà trẻ nhìn thấy. Các bé thường hay hỏi những câu như “Cái gì đây?”, “Con gì kia?”, “Còn cái này là gì?”, trẻ muốn bạn nhắc đi nhắc lại để xác định tên gọi và cố gắng ghi nhớ.

Trẻ bắt đầu hiểu tính chất khái quát của từ khi phát hiện ra rằng một tên gọi có thể gọi cho rất nhiều vật và giữa chúng có tính tương đồng. Ví dụ: trẻ thấy từ cái bàn được gọi cho cái bàn học của trẻ, cũng là để gọi cho cái bàn uống nước trong phòng khách mà bố hay ngồi hay cái bàn ăn dưới bếp. Trẻ cũng hiểu được khái niệm số nhiều, mặc dù chưa sử dụng

đúng danh từ số nhiều. Thời gian này trẻ đã có hứng thú với sách vở, nhất là sách tranh, trẻ có thể phát triển được nhiều nếu ta có những sách phù hợp và hướng dẫn cho trẻ. Tuy nhiên, để phát triển ngôn ngữ cảm nhận phong phú của trẻ, nhất thiết chúng ta phải cho trẻ tiếp xúc với cuộc sống thiên nhiên đầy kì thú, các con vật sinh động, dễ thương, màu sắc, âm thanh và sự sống động, linh hoạt của chúng sẽ cuốn hút trẻ, giúp đỡ trẻ rất nhiều trong quá trình phát triển ngôn ngữ và nhận thức, tâm lí, tình cảm... Nếu ta chỉ dừng lại cho trẻ tiếp xúc với tranh, ảnh, đồ chơi, đồ vật trong nhà thì quả là một thiệt thòi lớn cho trẻ.

Lên ba tuổi, trẻ có vẻ thích nói và nói rất nhiều, nó gắn liền với nhu cầu tìm hiểu về thế giới của trẻ. Trẻ có xu hướng hỏi nhiều các câu: Tại sao? thế nào? và hỏi đến cùng, nhiều khi người lớn không thể trả lời được những câu hỏi tưởng chừng ngu ngơ của trẻ. Ví dụ: Tại sao mặt trời, mặt trăng lại tròn? Tại sao lại có ngày đêm? Tại sao trái đất lại quay?

Dân gian ta có câu “trẻ lên ba cả nhà học nói”, hay “thỏ thẻ như trẻ lên ba”; như vậy, từ rất xa xưa chúng ta đã biết ngôn ngữ của trẻ có sự phát triển mạnh mẽ ở độ tuổi này – “nhờ có sự hoàn thiện các trung khu ngôn ngữ ở vỏ não, tai nghe – cơ quan tiếp nhận ngôn ngữ và cơ quan phát âm đến thời kì phát triển hoàn thiện” (Nguyễn Ánh Tuyết, 1996). Nhiều trẻ nói rất rõ ràng, mạch lạc, tròn vành, rõ tiếng các từ, kể cả từ khó. Vốn từ của trẻ tăng nhanh, gấp 5 lần năm thứ hai, tức là khoảng 1000 từ. Theo ThS. Nguyễn Thị Phương Nga các từ mà trẻ sử dụng có thể phân chia một cách ước lệ như sau: 60% là danh từ; 20% là động từ; 10% là danh từ riêng, ngoài ra còn một số từ loại khác như đại từ, trạng từ, tình thái từ... Từ “tôi” xuất hiện, đánh dấu một bước phát triển mạnh của trẻ về cá nhân, ý thức về bản thân và nhân cách. Ngôn ngữ của trẻ có âm điệu trầm bổng dễ thương, có nhấn trọng âm biểu thị tình cảm của trẻ.

Đến 3 tuổi trở lên, trẻ “đọc” một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống như biển báo nguy hiểm, nhà vệ sinh, lối ra, một số biển báo giao thông. Việc “đọc” được những kí hiệu này rất quan trọng với cuộc sống của trẻ, vì vậy, cô cần chú ý hướng dẫn trẻ “đọc” khi có cơ hội (khi cô dẫn lớp đi thăm quan, đi chơi bên ngoài lớp học). Giai đoạn này việc “đọc” sách của trẻ cũng có nhiều tiến bộ, đối với những câu chuyện đã được nghe kể nhiều lần, trẻ có thể “đọc” vẹt một cách dễ dàng. Chú ý dạy cho trẻ hiểu trật tự từ và câu của tiếng Việt cũng như cấu trúc của một trang sách, một cuốn sách.

Ba tuổi trở đi, trẻ có thể nói câu hai thành phần, nhiều khi có mở rộng các thành phần khác như trạng ngữ, bổ ngữ...

Ví dụ:

Con // đi học / ở trường mầm non.

CN VN BN

Con // đi chơi / nhà bà ngoại.

CN VN BN

Mẹ / mua // cho con / quả bóng bay đỏ.

CN VN BN1 BN2

Bên cạnh đó, trẻ còn sáng tác ra những từ mới, có khả năng bịa ra câu chuyện, lời bài hát dựa trên vốn ngôn ngữ mà trẻ tích lũy được đến thời điểm hiện tại.

Ví dụ: Mẹ: Khánh Linh à, hôm nay con học bài hát gì mới, hát cho bác nghe nào?

Trẻ: Con học bài "Tu".

Mẹ: Thế con hát được không?

Trẻ hát một bài mà cả nhà đều ôm bụng cười, nó bao gồm sự chấp vá của nhiều câu trong nhiều bài và cả những câu trẻ mới sáng tác ra!

Khả năng sử dụng câu phức, câu đơn mở rộng nhiều thành phần khiến lời nói của trẻ lưu loát, mạch lạc hơn, tư duy của trẻ rõ ràng có sự tiến bộ rõ rệt.

Đặc biệt, trẻ đã biết sử dụng nhiều ngôn ngữ mang tính hình tượng, biểu cảm, đặc biệt là các từ láy, từ ghép, từ tượng thanh, tượng hình.

- + Ví dụ: Từ ngữ thuộc trường nghĩa nhà trường: cô giáo, bàn, ghế, bảng, sân trường, cổng trường, các bạn...
- + Từ ngữ thuộc trường nghĩa thực phẩm: cơm, cháo, thịt, rau, cá...
- + Từ ghép:
  - Ghép đẳng lập: đất nước, núi sông, anh em...
  - Ghép chính phụ: cá chép, tôm hùm, cây na, gà mái...
- + Từ láy:
  - Láy hoàn toàn: xanh xanh, xa xa, tím tím...
  - Láy vần: um tùm, bõn chõn, ung dung...

Láy phụ âm đầu: gập ghềnh, khúc khuỷu, mênh mông...

Láy hoàn toàn biến âm: lỏng lẻo, đu đủ, đo đò...

+ Từ tượng thanh:

Leng keng, vi vu, róc rách...

+ Từ tượng hình:

Thăm thẳm, gập ghềnh, lom khom...

Tuy nhiên, giai đoạn này trẻ mắc một số lỗi như nói lắp, nói ngọng ở một số từ khó, dấu ngã và nặng, sử dụng từ chưa chuẩn, trật tự từ trong câu còn lộn xộn. Đây là những biểu hiện cũng bình thường, sẽ được trẻ hoàn thiện vào những giai đoạn sau nhờ sự giúp đỡ của người lớn, chúng ta không nên quan ngại.

Một số trẻ có biểu hiện chậm, có khó khăn về ngôn ngữ, cần được hỗ trợ nhiều hơn.

Các chuyên gia Viện dinh dưỡng Quốc gia Mỹ đã nghiên cứu những đặc điểm phát triển ngôn ngữ bình thường của trẻ đến giai đoạn này như sau:

- \* Giai đoạn 4: từ 18 đến 23 tháng
  - Thích thú tham gia vào việc đọc.
  - Làm theo những đề nghị đơn giản mà không cần biểu thị kèm theo bằng điệu bộ, cử chỉ.
  - Chỉ ra những phần đơn giản trên cơ thể người như “mũi, miệng, mắt”.
  - Hiểu được những động từ đơn giản như “ăn”, “ngủ”.
  - Phát âm đúng các nguyên âm và các phụ âm: n, m, p, h, đặc biệt là bắt đầu của âm tiết và những từ ngắn. Đồng thời cũng bắt đầu sử dụng những âm thanh, lời nói khác.
  - Nói được chuỗi từ 3 đến 10 từ (phát âm có thể không rõ ràng).
  - Hỏi tên những thức ăn thông thường.
  - Bắt chước/Tạo ra tiếng kêu của động vật: meo meo, gâu gâu...
  - Bắt đầu liên kết các từ, ví dụ: thêm sữa, ăn nữa...
  - Bắt đầu sử dụng đại từ, như: của con, của mẹ.
- \* Giai đoạn 5: 2 đến 3 tuổi
  - Biết được khoảng 50 từ khi được 24 tháng.
  - Biết vài khái niệm chỉ không gian: trong, ngoài, trên.

- Biết vài đại từ: “bạn”, “tôi”, “cô ấy”.
- Biết miêu tả các từ như: “to”, “vui vẻ”.
- Nói được khoảng bốn mươi từ khi được 24 tháng, lời nói bắt đầu chính xác hơn nhưng có thể bị đuối/nuốt những âm cuối. Người lạ có thể không hiểu được nhiều lắm những gì trẻ nói.
- Trả lời những câu hỏi đơn giản.
- Bắt đầu sử dụng nhiều đại từ hơn, như “tôi”, “bạn”.
- Nói được cụm từ có 2 – 3 từ.
- Sử dụng câu hỏi có nhấn trọng âm để hỏi; ví dụ: “Quả bóng của con đâu?”
- Bắt đầu sử dụng các từ chỉ số nhiều như: “những cái tất”, “những đôi dép” và thì quá khứ “đã ăn rồi”.

#### CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ

*Câu 1.* Nêu những đặc điểm về phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 1,5 đến 3 tuổi?

Hãy điền thông tin vào bảng sau:

Giai đoạn	Nghe	Nói	Vốn từ
Từ 18 đến 23 tháng			
Từ 2 đến 3 tuổi			

--	--	--	--

ĐÁP ÁN CHO PHẦN ĐÁNH GIÁ

Giai đoạn	Nghe	Nói	Vốn từ
Từ 18 đến 23 tháng	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Làm theo những đề nghị đơn giản mà không cần biểu thị kèm bằng điệu bộ, cử chỉ.</li> <li>– Chỉ ra những phần đơn giản trên cơ thể người như “mũi, miệng, mắt”.</li> </ul> <p>Hiểu được những động từ đơn giản như “ăn”, “ngủ”.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nói được chuỗi từ 8 đến 10 từ (Phát âm có thể không rõ ràng).</li> <li>– Hỏi tên những thức ăn thông thường.</li> <li>– Bắt chước/Tạo ra tiếng kêu của động vật: VD: meo meo, gâu gâu...</li> </ul>	Biết được khoảng 50 từ khi được 24 tháng.
		<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nói được khoảng bốn mươi từ khi được 24 tháng, lời nói bắt đầu chính xác hơn nhưng có thể bị đuối/nuốt những âm cuối. Người lạ có thể không hiểu được nhiều lắm những gì trẻ nói.</li> </ul>	Có biết vài đại từ: “bạn”, “tôi”, “cô ấy”.
Từ 2 đến 3 tuổi	Trả lời những câu hỏi đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nói được cụm từ có 2 – 3 từ.</li> <li>– Sử dụng câu hỏi có nhấn trọng âm để hỏi; ví dụ: “quả bóng của con đâu?”</li> </ul>	<p>Có vốn từ khoảng 200 đến 300 từ.</p> <p>Biết vài khái niệm chỉ không gian: trong, ngoài, trên.</p> <p>Biết miêu tả các từ</p>

Giai đoạn	Nghe	Nói	Vốn từ
		– Bắt đầu sử dụng các từ chỉ số nhiều như: “những cái tất”, “những đôi dép” và thì quá khứ: “đã ăn rồi”.	như: “to”, “vui vẻ”.

*Câu 2:* Những dấu hiệu nào có thể cho thấy trẻ chậm/ có khó khăn về ngôn ngữ?

- Đáp án: Dựa vào câu hỏi 1 để có đáp án cho câu hỏi 2. Bạn có thể dựa trên suy luận kết hợp với quan sát và cảm nhận của bản thân trong quá trình tiếp xúc hàng ngày với trẻ. Hiện nay World Bank đang có một bộ công cụ triển khai ở các tỉnh, bạn có thể dựa vào bộ công cụ này để đánh giá thêm.

## Nội dung 2

### PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ CỦA TRẺ TỪ 3 – 6 TUỔI

#### Hoạt động 1. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ 3 – 6 tuổi

Nội dung nghiên cứu trước khi tiến hành hoạt động:

Phân tích những đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 3 – 4 tuổi.

Phân tích những đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 4 – 5 tuổi.



## Phân tích những đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 5 – 6 tuổi?

### THÔNG TIN PHẢN HỒI

Đối chiếu những điều vừa phân tích với thông tin dưới đây:

Trẻ càng lớn thì vốn từ càng tăng nhanh, theo các nghiên cứu thì năm lên 4 tuổi vốn từ của trẻ là 1200 từ, 5 tuổi là 2000 từ và khi được 6 tuổi vốn từ của trẻ lên đến 3000 từ. Sự linh hoạt và phong phú trong ngôn ngữ của trẻ không chỉ phụ thuộc vào tuổi, mà nó phụ thuộc rất lớn vào môi trường ngôn ngữ xung quanh trẻ, nó bao gồm cả môi trường lớp học, môi trường gia đình và môi trường văn hóa xã hội ở địa phương nơi mà trẻ sinh sống.

Thời kì này khả năng sử dụng từ khái quát của trẻ tăng lên rất rõ rệt.

Ví dụ: Trẻ hiểu được quần áo rét bao gồm áo len, áo khoác, áo dạ, áo choàng... nói chung; khả năng sử dụng tính từ và học các từ mới rất nhanh. Trẻ hiểu được nghĩa; hỏi về nghĩa khi chưa rõ và sử dụng lại các từ mới gần như ngay khi ta nói.

Ví dụ: Khi bạn nói một từ mới cho trẻ 4 – 5 tuổi nghe (*Từ lá úa*), trẻ sẽ bị thu hút, hỏi bạn *lá úa* nghĩa là như thế nào? Khi bạn giải thích xong cho trẻ hiểu, trẻ sẽ đưa từ ngữ đó vào sử dụng, trở thành ngôn từ của trẻ trong khoảng thời gian gần nhất có thể.

Các khái niệm như *hiền, dữ, thông minh, đanh đá*... được trẻ dùng để miêu tả tính cách của vật nuôi hoặc kể về các bạn trong lớp ở năm 4 tuổi, chứng tỏ khả năng ngôn ngữ của trẻ đang tiến lên một giai đoạn mới.

Trong các lời nói của trẻ đã xuất hiện các kiểu câu chia theo cấu trúc ngữ pháp và các kiểu câu theo mục đích nói. Theo Nguyễn Xuân Khoa, trẻ 3 – 4 tuổi đã nói được các kiểu câu đơn khác nhau:

Loại câu	Ví dụ
Câu có chủ ngữ là danh từ.	Xe máy chạy nhanh hơn xe đạp.
Câu có chủ ngữ là động từ.	Đánh nhau là không ngoan.
Câu có chủ ngữ là tính từ.	Ngoan nhất lớp mình là bạn Oanh.
Câu có vị ngữ là danh từ.	Tôi là người mua hàng, bạn là người bán hàng.
Câu có vị ngữ là tính từ.	Tóc cô Hà dài nhỉ.
Câu có nhóm danh từ.	Các bạn trai ở lớp cháu sẽ làm các chú công an.
Câu có trạng ngữ chỉ thời gian, địa điểm.	Chiều nay mẹ đón con về sớm nhé!
Câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích.	Vì cậu, tớ mới bị ngã đấy! Để được khen, lớp mình phải ngoan cơ!

Theo Nguyễn Xuân Khoa, trẻ 4 – 5 tuổi sử dụng khoảng 10% câu ghép, trẻ 5 đến 6 tuổi sử dụng khoảng 25,2% câu ghép các loại khi tự kể chuyện.

Khả năng sử dụng câu của trẻ được tác giả Lưu Thị Lan nghiên cứu trong luận văn (1992 – 1994) như sau:

Tháng tuổi	Tổng số câu	Câu đúng	Tỉ lệ	Câu chưa đúng	Tỉ lệ	Câu đơn	Tỉ lệ	Câu ghép	Tỉ lệ
48 tháng	847	455	71,4%	182	28,6%	291	63,8%	164	36%
60 tháng	1035	751	72,6%	284	27,4%	472	62,8%	279	37,2%
72 tháng	818	618	75,6%	200	24,4%	373	60,4%	245	39,7%

Khả năng kể chuyện mạch lạc có tình tiết, có logic, mở đầu và kết thúc ở trẻ có những tiến bộ vượt bậc. Trẻ có khả năng dùng lời nói để tượng tượng ra những kế hoạch, sự kiện trong tương lai.

Trẻ có xu hướng hỏi rất nhiều, có khi trong vòng 1 – 2 phút, trẻ có thể có tới 4 – 5 câu hỏi, điều quan trọng là người lớn phải kiên trì để trả lời trẻ.

Tuy nhiên, một số trẻ vẫn mắc các lỗi như nói ngọng: l-n; ch-tr; s-x; d-r, vấn đề này nhiều khi là do ngôn ngữ địa phương. Việc còn nói kéo dài,

phát âm chưa chuẩn ở một số từ khó (chim khướu, khúc khuỷu, chuyền cành...) ở một số trẻ năm 4 tuổi thì sang 5, 6 tuổi trẻ đã có thể cải thiện và sửa chữa được rất nhiều. Tất nhiên là cô hiện tượng có trẻ nói rất tốt, rõ ràng mạch lạc, song cũng có trẻ vẫn còn ngọng, lắp, dùng câu còn lúng túng. Ở đây chúng ta tính đến mặt bằng chung.

Đây là bảng kiểm do các chuyên gia của Viện Y tế Quốc gia Mỹ đưa ra, bạn có thể dựa vào đó để theo dõi sự phát triển ngôn ngữ của bé. Các chuyên gia này khuyến cáo rằng, nếu con bạn chưa đạt được những chỉ số này, bạn nên gặp bác sĩ để tham vấn.

\* Giai đoạn 6: 3 – 4 tuổi

- Biết nhóm tên đối tượng: ví dụ: “quần áo”, “thức ăn”...
- Phân biệt được các màu sắc.
- Sử dụng được hầu hết các âm nhưng có thể chưa tròn âm đối với các âm khó: tr, ch, th, ngh, l, s, r, v, y.
- Người lạ có thể chưa hiểu hết những gì trẻ nói.
- Có thể mô tả được tác dụng của các đồ vật như: dao, cốc, ô tô...
- Thích thú với ngôn ngữ, hào hứng với thơ ca và nhận ra những điều vô lý trong ngôn từ, ví dụ như “Có con voi trên đầu bạn phải không?”.
- Diễn tả ý tưởng và cảm xúc, không dừng lại ở việc chỉ nói về thế giới xung quanh bé.
- Diễn tả thì của động từ: “đang”.
- Trả lời các câu hỏi đơn giản, ví dụ: “Bé làm gì khi đói bụng?”.
- Nhắc lại các câu.

\* Giai đoạn 7: 4 – 5 tuổi

- Hiểu được các khái niệm không gian như: “đằng sau”, “bên cạnh”.
- Hiểu được những câu hỏi phức tạp.
- Lời nói có thể hiểu được nhưng còn vài lỗi sai khi phát âm những từ dài, khó, phức tạp như: “chim khướu”, “khúc khuỷu”.
- Nói được 200 – 300 từ khác nhau.
- Miêu tả làm một việc như thế nào, ví dụ: vẽ một bức tranh.
- Liệt kê các đồ vật theo loại, ví dụ: động vật, phương tiện giao thông...
- Sử dụng các câu hỏi “Tại sao?”.

\* Giai đoạn 8: 5 tuổi

- Hiểu được hơn 2000 từ.

- Hiểu được chuỗi thời gian, ví dụ: điều gì xảy ra trước tiên, thứ hai, thứ ba...
  - Thực hiện chuỗi có 3 hướng dẫn.
  - Hiểu được nhịp điệu của câu thơ, bài hát.
  - Câu có thể đạt độ dài 8 từ trở lên.
  - Sử dụng câu ghép và câu phức.
  - Miêu tả đồ vật.
  - Sử dụng tưởng tượng để sáng tạo ra các câu chuyện.
- (Nguồn: Viện Y tế quốc gia Mỹ – Minh Thảo dịch từ Internet)

### CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ

*Câu 1. Phân tích những đặc điểm phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non từ 3 đến 6 tuổi?*

Điền các thông tin vào bảng sau:

Giai đoạn	Nghe	Nói	Vốn từ
Từ 3 – 4 tuổi			
Từ 4 – 5 tuổi			
Từ 5 – 6 tuổi			

**Câu 2.** Những biểu hiện nào cho thấy trẻ có khó khăn/ chậm về phát triển ngôn ngữ?

**ĐÁP ÁN**

**Câu 1:** Dựa vào phần thông tin phản hồi để trả lời.

– Điền thông tin vào bảng:

Giai đoạn	Nghe	Nói	Vốn từ
Từ 3 – 4 tuổi	Thích thú với ngôn ngữ, hào hứng với thơ ca và nhận ra những điều vô lí trong ngôn từ, ví dụ như “Cô con voi trên đầu bạn phải không?”.	– Diễn tả ý tưởng và cảm xúc, không dừng lại ở việc chỉ nói về thế giới xung quanh bé. – Diễn tả thì của động từ: “đang”. – Trả lời các câu hỏi đơn giản, ví dụ: “Bé làm gì khi đói bụng?”. Nhắc lại các câu.	Biết nhóm tên đối tượng: ví dụ: “quần áo”, “thức ăn. Sử dụng được hầu hết các âm nhưng có thể chưa tròn âm đối với các âm khó: tr, ch, th, ngh, l, s, r, v, y.
Từ 4 – 5 tuổi	– Hiểu được các khái niệm không gian như: “đằng sau”, “bên cạnh”. – Hiểu được những câu hỏi phức tạp.	– Miêu tả làm một việc như thế nào, ví dụ: vẽ một bức tranh. – Liệt kê các đồ vật theo loại, ví dụ: động vật, phương tiện giao thông... – Sử dụng các câu hỏi “Tại sao?”.	– Lời nói có thể hiểu được nhưng còn vài lỗi sai khi phát âm những từ dài, khó, phức tạp như: “chim khuôu”, “khúc khuỷu”. – Nói được 200 – 300 từ khác nhau.
Từ 5 – 6 tuổi	– Hiểu được chuỗi thời gian, ví dụ : điều gì xảy ra trước tiên, thứ hai, thứ ba... – Thực hiện chuỗi có 3 hướng dẫn. – Hiểu được nhịp điệu của câu thơ, bài hát.	– Câu có thể đạt độ dài 8 từ trở lên. – Sử dụng câu ghép và câu phức. – Miêu tả đồ vật. – Sử dụng tương tượng để sáng tạo ra các câu chuyện.	Hiểu được hơn 2000 từ.

**Đáp án câu 2:** Bạn dựa vào đáp án của câu 1 để trả lời.

## Hoạt động 2. Những mục tiêu phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non

### CÂU HỎI THẢO LUẬN

Phân tích những mục tiêu PTNN ở trẻ MN?

Chương trình GDMN đưa ra những mục tiêu như sau:

#### **GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Ở TRẺ 3 – 36 THÁNG TUỔI**

##### *a. Nghe*

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

##### *b. Nói*

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

##### *c. Làm quen với sách*

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

### NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 – 12 tháng tuổi	12 – 24 tháng tuổi	24 – 36 tháng tuổi
1. Nghe	– Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.		
	– Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.		
	– Nghe các câu nói đơn giản trong giao tiếp hằng ngày. – Nghe các câu hỏi: ...đâu? (ví dụ: Tay đâu? Chân đâu? Mũi đâu?...).	– Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. – Nghe các câu hỏi: Ở đâu?, Con gì?,... Thế nào? (gà gáy thế nào?), Cái gì? Làm gì?	– Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. – Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào?
– Nghe các bài hát, đồng dao, ca dao.	– Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	– Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	

Nội dung	3 – 12 tháng tuổi	12 – 24 tháng tuổi	24 – 36 tháng tuổi
2. Nói	- Phát âm các âm bập bẹ khác nhau.	- Phát âm các âm khác nhau.	
	Bắt chước các âm khác nhau của người lớn.	Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	Nói một vài từ đơn giản.	Trả lời và đặt câu hỏi: Con gì?, Cái gì?, Làm gì?	- Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?, Làm gì?, Ở đâu?,... Thế nào?, Để làm gì? Tại sao?...
	Thể hiện nhu cầu bằng các âm bập bẹ hoặc từ đơn giản kết hợp với động tác, cử chỉ, điệu bộ.	Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.
		Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 – 4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
3. Làm quen với sách		Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

## GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Ở TRẺ MẪU GIÁO

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

### Giáo dục phát triển ngôn ngữ

#### a. Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.
- Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

#### b. Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hàng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

#### c. Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

### Nội dung giáo dục theo độ tuổi

Nội dung	3 – 4 tuổi	4 – 5 tuổi	5 – 6 tuổi
1. Nghe	Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.



Nội dung	3 – 4 tuổi	4 – 5 tuổi	5 – 6 tuổi
	Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	
	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		
	Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		
2. Nói	Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	Phát âm các tiếng có chứa các âm khô.	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
	Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?	Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Để làm gì?	– Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? – Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?
	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
	Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ.	Kể lại truyện đã được nghe.	Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.

Nội dung	3 – 4 tuổi	4 – 5 tuổi	5 – 6 tuổi
	Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
	Kể lại sự việc.	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	Kể lại sự việc theo trình tự.
	Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	Đóng kịch.	
3. Làm quen với đọc, viết	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...).		
	Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	Nhận dạng một số chữ cái.	Nhận dạng các chữ cái.
		Tập tô, tập đồ các nét chữ.	
			Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
		– Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. – Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	
	Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	
Giữ gìn sách.	Giữ gìn, bảo vệ sách.		

Như vậy, ta có thể thấy mục tiêu phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non tập trung vào phát triển các khả năng: nghe, nói và làm quen với chữ viết ở trẻ.

- Mở rộng vốn từ
- \* Dựa vào đặc điểm phát triển vốn từ vựng trong từng giai đoạn, chúng ta phát triển vốn từ phù hợp với vùng phát triển gần của trẻ, theo nguyên tắc từ dễ đến khó, từ cụ thể đến khái quát.
- Giai đoạn từ 1 – 2 tuổi: phát triển vốn từ chủ yếu là các danh từ, động từ, một số ít các tính từ. Số từ và trạng từ thì thật hạn chế.

Chú ý những từ ban đầu phải là những từ ngữ gần gũi với trẻ, có thể nhìn thấy, sờ thấy, cảm nhận được hàng ngày.

- Giai đoạn 3 – 4 tuổi: cung cấp các từ mang ý nghĩa chỉ nhóm, mang tính khái quát; các từ cùng trường (mức độ đơn giản). Chú ý phát triển các từ tượng thanh, tượng hình, từ láy, từ ghép. Các từ loại này sẽ làm phong phú vốn ngôn ngữ cho trẻ, giúp trẻ hiểu được tính biểu cảm, hình tượng, hàm súc của ngôn ngữ.
- + Ví dụ: Từ ngữ thuộc trường nghĩa nhà trường: cô giáo, bàn, ghế, bảng, sân trường, cổng trường, các bạn...
- + Từ ngữ thuộc trường nghĩa thực phẩm: cơm, cháo, thịt, rau, cá...
- + Từ ghép:
  - Ghép đẳng lập: đất nước, núi sông, anh em...
  - Ghép chính phụ: cá chép, tôm hùm, cây na, gà mái...
- + Từ láy:
  - Láy hoàn toàn: xanh xanh, xa xa, tím tím...
  - Láy vần: um tùm, bòn chón, ung dung
  - Láy phụ âm đầu: ghập ghềnh, khúc khuỷu, mênh mông
  - Láy hoàn toàn biến âm: lỏng lẻo, đu đủ, đo đò...
- Giai đoạn 5 – 6 tuổi: cung cấp các nghĩa khác nhau của từ, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ cùng trường, ý nghĩa tu từ, biểu cảm của từ (từ Hán Việt)  
Điều quan trọng khi mở rộng vốn từ cho trẻ cần phải luyện tập cho trẻ phát âm mạch lạc, nhất là những từ khó, những từ trẻ hay vấp, ngọng, bên cạnh đó, cần giúp trẻ hiểu từ trong ngữ cảnh, văn cảnh cụ thể.
- Phát triển kĩ năng nghe
  - Ngay từ khi mới sinh trẻ đã có phản ứng âm thanh. Trẻ có thể phân biệt được âm thanh quen thuộc trong lời nói của người mẹ với những tiếng nói của người khác. Trẻ có phản ứng rõ rệt với các hiện tượng âm thanh. Khi nghe những âm điệu du dương của các bài hát ru, tiếng chim hót hoặc những bản nhạc trẻ thường có biểu hiện thích thú và lắng nghe. Còn khi thấy những âm thanh mạnh, gắt gao trẻ giật mình, sợ hãi, nhiều trường hợp các em khóc thét lên. Khoảng từ 3 đến 6 tháng trẻ đã bắt chước và đã cố gắng phát âm bi bô, từ 9 đến 12 tháng trẻ đã nói theo được các từ như: bà, bố, mẹ...

- Rèn luyện khả năng nghe cho trẻ là rèn luyện khả năng phân biệt các âm vị trong quá trình phát âm, cao độ, trường độ, tính biểu cảm của ngôn ngữ, đặc biệt là tính vần điệu.
- Từ 1 năm 6 tháng đến 3 tuổi khả năng ngôn ngữ của trẻ phát triển nhanh, lúc này trẻ có thể nói được những câu ngắn, khả năng kết hợp các âm thanh và từ ngữ phong phú.

Giai đoạn này cho trẻ nghe những âm thanh của các từ trong bảng chữ cái tiếng Việt. Trước hết là những nguyên âm đơn: a, o, ô, ơ, sau đó đến các phụ âm: b, m, ph, v. Sau đó, cho trẻ làm quen với các âm xát: tr, s, r...

Kết hợp cho trẻ nghe các bài hát, bài thơ, bản nhạc để rèn luyện thính giác.

Chú ý theo dõi những trẻ có biểu hiện chậm, yếu về khả năng ngôn ngữ để có biện pháp giúp đỡ trẻ kịp thời.

- Phát triển lời nói mạch lạc

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp, là hiện thực trực tiếp của tư duy. Sử dụng ngôn ngữ tốt không thể không tính đến yếu tố mạch lạc. Ngôn ngữ mạch lạc là ngôn ngữ có nội dung rõ ràng, cụ thể, có trình tự, logic, có thể được sử dụng hỗ trợ bằng các quan hệ từ, câu chuyển ý... được người nghe lĩnh hội và hiểu đúng. Ngôn ngữ mạch lạc cũng thể hiện năng lực tư duy và hiểu vấn đề của trẻ.

- Nhiệm vụ của việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ ở trường mầm non:
  - + Phát triển đồng thời cả hai kĩ năng nghe và nói. Trẻ nghe, hiểu ngôn ngữ mạch lạc của người lớn, của bạn bè, các tác phẩm văn học...; rồi sau đó sẽ hình thành và phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ mạch lạc của chính mình.
  - + Dạy trẻ mạch lạc trong giao tiếp (ngôn ngữ đối thoại)
 

Dạy trẻ mạch lạc trong ngôn ngữ và cả trong văn hóa giao tiếp; biết lắng nghe người khác nói, không cắt ngang, chờ đến lượt mình hoặc nói có xin phép; duy trì cuộc đàm thoại bằng cách trả lời đúng và biết đặt câu hỏi phù hợp, có thái độ tình cảm thích hợp và tôn trọng người đối thoại với mình.
  - + Dạy trẻ mạch lạc trong khi kể chuyện (ngôn ngữ độc thoại)
 

Ngôn ngữ độc thoại có đặc điểm không chỉ là phương tiện giao tiếp, mà còn là công cụ của tư duy. Khả năng sử dụng ngôn ngữ mạch lạc ở đây

rất quan trọng, đặt nền tảng để sau này trẻ phát triển trí tưởng tượng, tư duy logic, suy luận, liên tưởng phán đoán trong các cấp học cao hơn. Khi kể chuyện, kĩ năng ngôn ngữ, thao tác tư duy và trí tưởng tượng của trẻ được sử dụng triệt để. Trẻ không chỉ phát âm, suy nghĩ, sử dụng câu, lựa chọn từ, sắp xếp câu chuyện theo một trình tự...; đồng thời, bày tỏ thái độ, cử chỉ, ngữ điệu, thể hiện phong cách cá nhân.

Theo Nguyễn Thị Phương Nga, nhiệm vụ dạy kể chuyện cho trẻ nên bắt đầu ở lứa tuổi mẫu giáo, được liệt kê trong bảng sau:

STT	LỨA TUỔI	NHIỆM VỤ
1	3 – 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Kể lại sự việc theo trình tự thời gian.</li> <li>– Kể miêu tả đồ dùng, đồ chơi đơn giản.</li> <li>– Kể lại truyện đã được nghe.</li> </ul>
2	4 – 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Kể lại diễn cảm sự việc theo trình tự thời gian.</li> <li>– Kể miêu tả đồ dùng, đồ chơi, con vật, đồ vật thật.</li> <li>– Kể lại truyện đã được nghe.</li> <li>– Kể chuyện theo kinh nghiệm.</li> <li>– Kể chuyện sáng tạo theo tranh.</li> </ul>
3	5 – 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Kể lại sự việc một cách rõ ràng, diễn cảm, logic.</li> <li>– Kể sáng tạo theo tranh, theo chủ đề, kể tiếp truyện.</li> <li>– Kể lại truyện đã được nghe một cách diễn cảm, mạch lạc.</li> <li>– Kể theo kinh nghiệm một cách mạch lạc.</li> </ul>

• Sử dụng câu

Một trong những điều kiện giúp trẻ trình bày được ý nghĩ của mình một cách lưu loát, mạch lạc là khả năng sử dụng câu của trẻ. Khi trẻ sử dụng đúng các kiểu câu trong lời nói của mình tức là khả năng phát triển ngôn ngữ đã phát triển tốt.

– Dạy trẻ 1 – 3 tuổi đặt câu:

Khoảng 16, 17 tháng, trẻ hay nói những câu có một hoặc hai từ.

Ví dụ: Đi chơi; Bà bé; Áo đẹp; Khóc nhè; Hết rồi; Mẹ về...

Nhiều câu của trẻ nhiều khi chỉ là những cụm danh từ hay động từ, giai đoạn này cần mở rộng câu cho trẻ để câu nói có đủ hai thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ; không cần thiết mở rộng quá sẽ khó với trẻ, chúng ta chỉ cần thêm vào 1 hoặc 2 từ là câu đã đủ C – V:

Con đi chơi; Lan khóc nhè; Ăn hết rồi...

- Dạy trẻ 3 – 4 tuổi đặt câu.
- Cho trẻ làm quen với chữ viết
  - Cho trẻ làm quen với sách; tích cực đọc cho trẻ nghe. Các kí hiệu, biển báo, chữ viết cô trong môi trường, sách, truyện tranh, thơ ca...
  - Cho trẻ tắm mình trong môi trường chữ viết: các góc học tập, ca cốc, đồ dùng, đồ chơi của trẻ, các loại cây... ngoài sân trường cần được dán tên. Xây dựng góc "thư viện" trong lớp và thường xuyên cho trẻ hoạt động với góc thư viện. Cho trẻ chơi các trò chơi dân gian kết hợp các bài hát, đồng dao... khi trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và sức mạnh, chúng sẽ rất hứng thú.
  - Cho trẻ vẽ.
  - Tạo điều kiện cho trẻ vẽ trên giấy bằng bút chì, sáp màu, bút lông... Vẽ theo chủ đề hoặc tự do tùy ý thích.
  - Vẽ, viết bằng nhiều chất liệu lên các loại chất liệu: vạch vào đất; vẽ bằng tay vào không trung...
  - Cô hướng dẫn tư thế ngồi, cách cầm sáp, bút, cách di màu;
  - Cô có thể vẽ mẫu cho trẻ tập vẽ theo;
  - Sau các giờ vẽ cô giáo thu các bức tranh lại, nhận xét, động viên khích lệ trẻ, treo các sản phẩm của trẻ vào góc học tập.
- \* Trẻ tập tô, đồ chữ cái rỗng
  - Trẻ rất thích tô màu các bức tranh, nối các chữ số để được hình ảnh. Bên cạnh đó kết hợp cho trẻ đồ chữ cái rỗng, "chép" lại các bức tranh, chữ cái...
- \* Cho trẻ viết
  - Cho trẻ "viết thư"; "viết" tên của mình, "viết" và trang trí thiệp mời, thiệp sinh nhật, chúc tết...
  - Ngoài ra, GV cần tổ chức các hoạt động bổ trợ nhằm rèn luyện sự khéo léo của đôi tay: Xếp hình, khâu hột, hạt, nặn đồ dùng, đồ chơi, con vật...
  - Đọc cho trẻ nghe hàng ngày, khuyến khích cha mẹ trẻ đọc cho trẻ nghe ở gia đình.
  - Để cho trẻ xem người khác đọc và viết; có thể cho trẻ xem trẻ lớn hơn làm bài tập.

- Cho trẻ đi thăm quan, đọc những chữ viết, kí hiệu trong cộng đồng: bảng biểu, biển báo...
  - Làm các cuốn sách với trẻ bằng cách cắt các tranh ảnh hoặc hình vẽ. Viết các câu đơn giản vào từng trang sách.
  - Nếu có truyện trẻ em bằng ngôn ngữ khác, hãy dịch sang ngôn ngữ mẹ đẻ theo từng trang sách.
  - Đọc bảng chữ cái cho trẻ. Tự làm bảng chữ cái có hình ảnh các vật trẻ dùng hoặc nhìn thấy phổ biến.
  - Giúp trẻ viết tên trẻ.
  - Khuyến khích viết chơi, như dùng que để viết lên cát hoặc bụi, dùng phấn, bút chì hoặc chì màu, dùng chốt sơn và nước.
  - Khuyến khích trẻ vẽ hoặc sơn tranh, sau đó yêu cầu trẻ kể về hình vẽ hoặc tranh của trẻ. Viết chính xác theo ngôn từ của trẻ. Đọc cho trẻ nghe và khuyến khích trẻ đọc lại ngôn từ của mình cho bạn.
  - Treo một số hình vẽ xung quanh phòng hoặc làm thành một cuốn sách. Trẻ rất thích đọc các câu chuyện của mình và sẽ cố gắng tham gia đọc.
  - Hoạt động này mang tính sáng tạo và thu hút sự tập trung cao của trẻ. Cô chú ý tạo góc học tập với đầy đủ phương tiện để trẻ thực hiện. Hỗ trợ, hướng dẫn và động viên, khuyến khích trẻ kịp thời. Chú ý đến tư thế ngồi và cách cầm bút chì, sáp màu cho trẻ.
- Bạn có thể điền thêm các mục tiêu phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

#### CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ

1. Theo bạn, những mục tiêu phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non là gì?
  
2. Để cho trẻ làm quen với chữ viết ta cần tiến hành những hoạt động gì?

**Đáp án:** Bạn dựa vào phần thông tin phản hồi để trả lời.

### Hoạt động 3. Kết quả mong đợi về phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non

Thảo luận, phân tích về kết quả mong đợi về ngôn ngữ ở trẻ MN

- Chương trình GDMN ban hành ngày 25/7/2009 đưa ra kết quả mong đợi ở trẻ về ngôn ngữ như sau:

#### GIAO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Ở TRẺ 3 – 36 THÁNG TUỔI

Kết quả mong đợi	3 – 12 tháng tuổi		12 – 24 tháng tuổi		24 – 36 tháng tuổi
	3 – 6 tháng tuổi	6 – 12 tháng tuổi	12 – 18 tháng tuổi	18 – 24 tháng tuổi	
1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Có phản ứng với âm thanh: quay đầu về phía phát ra âm thanh; nhìn chăm chú vào mặt người nói chuyện...	1.1. Hiểu được một số từ đơn giản gần gũi.	1.1. Hiểu được một số từ chỉ người, đồ chơi, đồ dùng gần gũi.	1.1. Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động. Ví dụ: Chấu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.
	1.2. Mím cười, khua tay, chân và phát ra các âm bập bẹ khi được hỏi chuyện.	1.2. Làm theo một số hành động đơn giản: vỗ tay, giơ tay chào..	1.2. Làm theo được một vài yêu cầu đơn giản: chào – khoanh tay; hoan hô – vỗ tay; tạm biệt – vẫy tay,...	1.2. Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”, “Không được sờ”,...	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “... Làm gì?”, “... Thế nào?” (ví dụ: “Con gà gáy thế nào?”, ...)
		1.3. Hiểu câu hỏi: “... Đâu?” (tay đâu?, chân đâu?...) )	1.3. Hiểu câu hỏi: “... đâu?” (Mẹ đâu?, Bà đâu? Vịt đâu?...) )	1.3. Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”, ...	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.



Kết quả mong đợi	3 – 12 tháng tuổi		12 – 24 tháng tuổi		24 – 36 tháng tuổi
	3 – 6 tháng tuổi	6 – 12 tháng tuổi	12 – 18 tháng tuổi	18 – 24 tháng tuổi	
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu		Bắt chước, nhắc lại âm thanh ngôn ngữ đơn giản theo người lớn: măm măm, ba ba, ma ma, ...	2.1. Bắt chước được âm thanh ngôn ngữ khác nhau: ta ta, meo meo, bim bim... 2.2. Nhắc lại được một số từ đơn: mẹ, bà, ba, gà, tô...	2.1. Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi, ... 2.2. Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	2.1. Phát âm rõ tiếng. 2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.
		3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	Phát ra các âm u, a, ... khi người lớn trò chuyện	Sử dụng các âm thanh bập bẹ (măm măm, ba ba, ...) kết hợp vận động cơ thể (chỉ tay, dướn người; thay đổi nét mặt...) để thể hiện nhu cầu của bản thân.	3.1. Sử dụng các từ đơn khi giao tiếp như gọi mẹ, bà, ... 3.2. Nói câu gồm 1 hoặc 2 từ: "bé" (khi muốn được bế); "uống" hoặc "nước" (khi muốn uống nước); "măm măm" (khi muốn ăn); "đi, đi" (khi muốn đi chơi) ...

**GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Ở TRẺ 3 – 6 TUỔI**

Kết quả mong đợi	3 – 4 tuổi	4 – 5 tuổi	5 – 6 tuổi
1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..).
	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	2.1. Nói rõ các tiếng.	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.
	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,..

Kết quả mong đợi	3 – 4 tuổi	4 – 5 tuổi	5 – 6 tuổi
	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.	2.4. Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.
	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...
	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp.	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.
	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
3. Làm quen với việc đọc – viết	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	3.1. Chọn sách để xem.	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.